

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22/04/2026

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sóng Thành

Ông Trần Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 518/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1978. Căn cước công dân số: 075178006917 cấp ngày 04/5/2023 tại **Cục C**. Địa chỉ: **A, ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai**.

- *Bị đơn:* Ông **Phan B**, sinh năm 1972. Hộ chiếu số: 509741823 cấp ngày 09/5/2013 tại Hoa Kỳ. Địa chỉ tại thời điểm kết hôn: 450 **M, A, W, M, USA**. Địa chỉ hiện nay: 500 **Pine Creek Ct W, U.S.A**.

Người được ông **Phan B** ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Ông **Ngô Cao T**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: 11/13, **khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai**.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày nội dung được tóm tắt như sau:

Bà và ông **Phan B** tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2015, tại **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1067, quyền số 5/2015 ngày 03/12/2015. Sau khi kết hôn, ông **Phan B** có làm thủ tục bảo lãnh cho bà **O** sang Hoa Kỳ định cư theo ông **Phan B**, trong thời gian chờ xét duyệt hồ sơ thì giữa bà và ông **Phan B** nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm và

khoảng cách địa lý, sau đó ông Phan B quay về Hoa Kỳ sinh sống. Ông Phan B và bà đã không sống chung và không còn liên lạc bảy năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan B có lời khai, được tóm tắt như sau:

Ông và bà O quen biết nhau vào tháng 2/2014, nhân dịp Tết cổ truyền ông về Việt Nam thăm gia đình và gặp bà O, ông và bà O phát sinh tình cảm và quyết định kết hôn, được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1067 quyền số 05/2015 ký ngày 03/12/2015. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Sau đó, ông trở về Mỹ làm thủ tục bảo lãnh cho bà O định cư, trong thời gian chờ đợi Sở di trú xét duyệt và chấp thuận để được mời phỏng vấn thì giữa ông và bà O đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường cãi vã nhau, do tìm hiểu nhau chưa kỹ. Gần sáu năm ông và bà O không còn liên lạc với nhau cho đến hiện nay. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nên ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được đều đã được công khai, tiếp cận đầy đủ tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

* Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa, đảm bảo tính khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Phan B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/12/2015. Sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra cãi vã do chưa tìm hiểu kỹ trước hôn nhân. Hai bên đã không còn liên lạc với nhau trong suốt hơn 07 năm qua. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý việc ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim O và ông Phan B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Nguyễn Thị Kim O** khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với **ông Phan B**. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim O** cư trú tại địa chỉ: **A, ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai**; bị đơn **ông Phan B** cư trú tại địa chỉ: **E Pine Creek Ct W, U.S.A** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao, Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải và đối thoại tại Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân từ nhiều lý do khác nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm và hiện không còn chung sống với nhau gần bảy năm nay. Bị đơn **ông Phan B** cũng xác định không còn tình cảm với nguyên đơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim O**.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong thời kỳ hôn nhân không có con chung nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Kim O** là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 227, 228, 238, 464, 469, 476, 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 124, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải và đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim O** với **ông Phan B**, về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Nguyễn Thị Kim O** được ly hôn với **ông Phan B**.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.
3. Về án phí sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Kim O** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà **Nguyễn Thị Kim O** đã nộp tại Biên lai thu tiền số biên lai thu số 0010579 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà **Nguyễn Thị Kim O** đã nộp đủ tiền án phí.
4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà **Nguyễn Thị Kim O** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. **Ông Phan B** được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai (Giấy KH số 1067 ngày 03/12/2015);
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu AV; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẦN PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Lê Thị H